

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116 ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân A, xã Tân Hiệp C, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trầu Hôi B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Anh và chị Phạm Thị K quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và có thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp C, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn nên anh làm đơn yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị K.

Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Kiều dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị K đối với vụ án nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Phạm Thị K; Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị K không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Phạm Văn Q phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị K sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp C, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/4/2013. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho

anh được ly hôn với chị Phạm Thị K; Chị Phạm Thị K có địa chỉ cư trú tại ấp Trầu Hôi B, xã Thanh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Q là có căn cứ. Chị Phạm Thị K dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị K là có căn cứ.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp C, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/4/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Q và chị K phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình và trong công việc, anh Q cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị K dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với chị K, cho thấy hôn nhân của anh Q và chị K đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Q là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Q được ly hôn với chị K.

[3.2] Về phần con chung, Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị K không có con chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung : Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị Phạm Thị K.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết .

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Phạm Văn Q đã nộp theo biên lai số 0002007 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (anh Q đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hiệp C, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Dưa